TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 155/2026/QĐST – DS	*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 về vụ việc: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Trưởng phòng. (Theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được ủy quyền: Ông Trần Tuấn M – Chuyên viên xử lý nợ. (Theo văn bản uỷ quyền số 2510942/2026/UQ-KHCN ngày 25/12/2025).

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Minh D1, sinh năm 1995. CCCD số 001095xxxxxx do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2021.

HKTT và nơi ở: Thôn T, xã T, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Minh D1 còn nợ và phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/10/2022 (số trên hệ thống 324-P-9285021); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/02/2023 (số trên hệ thống LD2304601973); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 15/02/2026 (số trên hệ thống LD2304701260); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/02/2023 (số trên hệ thống LD2304800708) tạm tính đến ngày 23/03/2026 ông D1 còn nợ số tiền: 676.053.582 đồng (Trong đó N gốc khoản vay: 312.998.634 đồng; Nợ lãi phải trả: 360.481.737 đồng; Lãi chậm trả lãi: 2.573.211 đồng) theo lộ trình cụ thể như sau:

- Chậm nhất đến ngày 22/04/2026 ông Nguyễn Minh D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 135.200.000 đồng. (*Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng*)
- Chậm nhất đến ngày 23/05/2026 ông Nguyễn Minh D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 540.853.582 đồng. (*Năm trăm bốn mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm tám mươi hai đồng*)

2.2. Kể từ ngày 24/03/2026, ông Nguyễn Minh D1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/10/2022 (số trên hệ thống 324-P-9285021); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/02/2023 (số trên hệ thống LD2304601973); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 15/02/2026 (số trên hệ thống LD2304701260); Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/02/2023 (số trên hệ thống LD2304800708) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh D1 chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.521.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng*).

2.4. Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 12.748.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0001293 ngày 15/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hứa Thị Hà